TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **113/**2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21/3/2023
V/v tranh chấp "Xin Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ánh Hồng**.

Các Hội thẩm nhân nhân dân: 1. Ông **Trần Văn Bé Ba.**

2. Ông **Nguyễn Quốc Thuần.**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Huỳnh Thanh Tân- KSV.

Ngày 21 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 505/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp " Xin Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên toà số 26/2023/QĐST- HNGĐ ngày 03/3/2023 giữa các đương sự:

*** <u>Nguyên đơn</u>**: Bà Nguyễn Thị Hồng B, sinh năm 1978 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp D, xã E, huyện A, tỉnh Tiền Giang.

*** <u>Bị đơn</u>:** Ông Ngô Quốc C**,** sinh năm 1976 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp D, xã E, huyện A, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn ly hôn, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng B trình bày:

Bà và ông Ngô Quốc C chung sống với nhau vào năm 2000 và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã E, huyện A, Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 19/2000 ngày 19/04/2000. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau thường F tranh cải, ông C thường F đánh đập bà, hiện đang sinh sống với người phụ nữ khác và ông bà đã sống ly thân từ năm 2018, nay bà B nhận thấy hôn nhân không thể

kéo dài, không khả năng hàn gắn, tình cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Ngô Quốc C.

Về con chung: Có 02 con chung tên Ngô Thị Bảo F, sinh ngày 06/01/1999 đã trưởng thành và Ngô Quốc Kha, sinh ngày 12/12/2007. Cháu Kha đang sống với bà B, nên bà yêu cầu được tiếp tục nuôi, không yêu cầu ông Quốc C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn ông Ngô Quốc C từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật nhưng ông C vẫn vắng mặt không rõ lý do và không trình bày ý kiến của mình.

* Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Hồng B có đơn xin vắng mặt vẫn giữ y yêu cầu khởi kiện cho bà được ly hôn với ông Ngô Quốc C, giải quyết vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung theo đơn khởi kiện.

* Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến phát biểu: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân bà B, ông C mâu thuẩn trầm trọng, sống ly thân từ năm 2018 nhưng không thể hàn gắn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà B được ly hôn với ông C.

+ Về con chung: Có hai con chung tên Ngô Thị Bảo F, sinh ngày 06/01/1999 đã trưởng thành và Ngô Quốc Kha, sinh ngày 12/12/2007. Cháu Kha đang sống với bà B và có nguyện vọng sống với mẹ, do đó cần cho cháu phát triển tốt nên giao cho bà B tiếp tục nuôi dưỡng, bà không yêu cầu ông Quốc C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Căn cứ vào yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hồng B về việc tranh chấp "ly hôn" với ông Ngô Quốc C thuộc trường hợp được qui định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36 và điểm b, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

[2] Về hôn nhân: Qua lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

Ông Ngô Quốc C, bà Nguyễn Thị Hồng B chung sống với nhau vào năm 2000 và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã E, cấp giấy chứng nhận kết hôn số 19/2000 ngày 19/4/2000. Quá trình sống chung hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau thường F tranh cải, ông C thường F đánh đập bà và có quan hệ với người phụ nữ khác, ông bà đã sống ly thân từ năm 2018, nay bà B nhận thấy hôn nhân không thể kéo dài, không khả năng hàn gắn, tình cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Quốc C. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông C nhưng ông vẫn không đến tham dự phiên tòa và không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của bà B, điều đó chứng tỏ ông C không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xác định, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông C, bà B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà B là phù hợp với qui định của pháp luật do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Có hai con chung tên Ngô Thị Bảo F, sinh ngày 06/01/1999 đã trưởng thành và Ngô Quốc Kha, sinh ngày 12/12/2007. Cháu Kha đang sống với mẹ ruột là bà B và có nguyện vọng sống với mẹ nên cần giao con chung tên Ngô Quốc Kha cho bà B tiếp tục nuôi dưỡng, ông C không phải cấp dưỡng nuôi con do bà B không có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: tự thoả thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Bà Nguyễn Thị Hồng B có đơn xin vắng mặt, ông Ngô Quốc C vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà B, ông C.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Từ những nhận định trên và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu quan điểm là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36; điểm b, khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về áp dụng án phí, lệ phí.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng B.

[1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng B được ly hôn với ông Ngô Quốc C.

[2] Về con chung: Con chung Ngô Thị Bảo F, sinh ngày 06/01/1999 đã trưởng thành.

Giao cháu Ngô Quốc Kha, sinh ngày 12/12/2007 cho bà Nguyễn Thị Hồng B tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Ông Quốc C không phải cấp dưỡng nuôi con do bà B không có yêu cầu.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

[3] Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bà B đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0025240 ngày 28/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Tiền Giang.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh TG;
-VKSNDHCG-TG
-Chi cục THADSHCG;
-Những người tham gia tố tụng;
-Lưu.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ánh Hồng